

Bản án số: 521/2023/DS-PT
Ngày: 31 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 619/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3387/2023/QĐPT ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1945.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1969 và ông Phan Quang M, sinh năm 1977 (Văn bản ủy quyền ngày 18/12/2020). Cùng nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Hồng B, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1965; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Phạm H1, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền

ngày 18/02/2020, có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường C - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Văn Đ – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (vắng mặt).

3.2. Bà Trần Thị Thu H2, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm H1, sinh năm 1959 (Văn bản ủy quyền ngày 09/11/2021).

3.3. Anh Trần Thái B1, sinh năm 1996 (vắng mặt)

3.4. Chị Trần Thị Bích T1, sinh năm 2004 (vắng mặt)

3.5. Anh Trần Minh L, sinh năm 1991 (vắng mặt)

3.6. Chị Phạm Thị Thúy K, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo, kháng nghị:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, bị đơn ông Trần Văn T và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày trong đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện theo ủy quyền trong quá trình tố tụng vụ án và tại phiên tòa được tóm tắt như sau:*

Nguồn gốc thửa đất số 597, diện tích 527m², thuộc tờ bản đồ số 23, ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An là do bà Huỳnh Thị H hoán đổi với ông Võ Lạc Q vào năm 1977. Bà H quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất loại sổ “Tất đất, tất vàng” số 2781, do UBND huyện Đ cấp ngày 22-10-1991 gồm: các thửa đất số 2140, 2129, 2130 và 600 (trong thửa 600 nay có một phần là thửa 597). Khoảng năm 1985, bà H có cho ông Trần Văn Đ1 mượn đất tạm để xây dựng nhà máy xay lúa nhờ trên một phần của thửa đất 600, còn ông Đ1 giao cho bà H trồng đậu phộng trên một thửa đất của ông Đ1. Hai bên hoán đổi đất với nhau chỉ trao đổi đất thực tế, không làm giấy tờ gì. Bà H sử dụng thửa đất của ông Đ1 giao được vài năm thì bị ông Đ1 lấy lại để cho con ông Đ1 quản lý, canh tác đất. Còn đối với phần đất của bà H, ông Đ1 không chịu trả lại. Bà H nhiều lần yêu cầu ông Đ1 trả lại đất, nhưng ông Đ1 không trả, nên hai bên có tranh chấp và có thường xuyên cãi vã, ẩu đả nhau có nhờ chính quyền giải quyết. Năm 1999, vì sợ Nguyễn Văn P là con của bà H tranh chấp đất và xảy ra lớn chuyện không hay, nên bà H cùng P lên huyện D, tỉnh Tây Ninh mua đất

sinh sống, còn nhà, đất tại các thửa 2140, 2129, 2130 và thửa 600 vẫn để cho con Nguyễn Thị Hương G quản lý.

Từ năm 2010, bà H tiếp tục yêu cầu ông Đ1 trả lại đất nhưng vẫn không chịu trả, mà còn xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất đang tranh chấp. Nhà xây có chiều ngang khoảng 10m (phần đất trống còn lại hơn 12 mét), bà H có báo chính quyền địa phương ngăn cản nhưng không làm gì được. Năm 2018, bà H phát hiện con rể của ông Đ1 là ông Trần Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí đất tranh chấp là thửa 597, tờ bản đồ số 23, diện tích 527m², ấp B, xã T, huyện Đ.

Trước đây, khi ông Trần Văn T cất nhà ở trên đất tranh chấp này được một thời gian, thì có mua thêm của bà H 01m ngang đất, chiều dài hết thửa đất với giá 5.000.000 đồng, hiện tại phần đất này nằm chung trong thửa 597 của ông T đứng tên GCNQSDĐ.

Nay bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng Trần Văn T trả lại cho bà H diện tích đất theo đo đạc thực tế là 536,3m², thửa 597, tờ bản đồ số 23, tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Đối với phần đất có nhà ở kiên cố của vợ chồng ông T trên đó, thì yêu cầu trả bằng giá trị, còn phần đất trống và phần có nhà bán kiên cố thì yêu cầu tháo dỡ di dời để trả lại đất. Nếu yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, bà H sẽ trả lại giá trị 01m ngang đất mà trước đây bà H chuyển nhượng cho ông T theo giá được định giá.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1845QSĐĐ ngày 21-11-1997 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp cho ông Trần Văn T đứng tên thửa đất số 597, tờ bản đồ số 23, tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

** Bị đơn ông Trần Văn T do người đại diện trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa như sau:*

Nguồn gốc đất của thửa đất số 597 nêu trên, do ông Trần Văn Đ1 là cha vợ của ông T mua lại của ông Võ Văn T2 theo Giấy tay mua bán lập ngày 03-4-1991, với giá 3,5 chỉ vàng 24k để làm nhà máy xay lúa. Năm 1993, ông Đ1 bán lại cho ông T sử dụng và đến năm 1997 ông T đi kê khai, đăng ký và được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ. Từ năm 1997 đến nay, bên bà H không có ý kiến hay khiếu nại gì về thửa 597 này. Khi ông T làm nhà xong một thời gian, thì có mua thêm của bà H 01m ngang đất chiều dài hết đất để làm lối đi bên hông nhà. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng T cũng có san lấp nền cao lên.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà H2 trả lại thửa đất số 597, thì vợ chồng ông T, bà H2 không đồng ý.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, vợ chồng ông T, bà H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông T với ông Đ1. Không yêu cầu Tòa án đưa các người con ông Đ1 tham gia tố tụng trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp thì các bên

sẽ giải quyết trong vụ án khác; ông T và bà H2 không không yêu cầu Tòa án xem xét đối với phần chi phí san lấp trên đất.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ủy ban nhân dân huyện Đ không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện trong vụ án.

- Bà Trần Thị Thu H2 do người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Hoàng thống n với ý kiến của bị đơn ông T như trên.

- Các người con của ông T và bà H2 gồm: Trần Thái B1, Trần Thị Bích T1, Trần Minh L và Phạm Thị Thúy K có văn bản thống nhất với lời trình bày của ông T và có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người làm chứng trình bày:*

- Các ông bà Huỳnh Văn Đ2, Huỳnh Thị R và Nguyễn Thị H3 trình bày tại các Biên bản lấy lời khai cùng ngày 10-9-2020 như sau: Phần đất tranh chấp giữa bà H với ông T hiện nay là của bà H, do bà H hoán đổi đất với ông Võ Lạc Q trước đó. Vào khoảng năm 1985, bà H tiếp tục hoán đổi tạm đất với ông Đ1, để ông Đ1 xây dựng nhà máy xay xát lúa, còn bà H lấy đất của ông Đ1 sử dụng trồng đậu. Năm 1995, ông Đ1 lấy lại phần đất mà trước đó giao cho bà H, còn phần đất bà H đưa cho ông Đ1 thì đến nay bên ông Đ1 chưa trả lại cho bà H, hiện là phần ông T đang quản lý sử dụng.

- Ông Trần Thanh S trình bày tại văn bản đề ngày 15-9-2022 và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng thực chữ ký như sau: Ông S là con ruột của ông Đ1 (đã chết), thửa đất số 415 tờ bản đồ số 27 là của ông Đ1, còn thửa 597 tờ bản đồ 23 xã T, huyện Đ là của bà H trước đây có trao đổi đất với nhau.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, quyết định:*

Căn cứ: Các Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 189 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 3, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ: Các Điều 12, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn T, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

1. Buộc vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị Thu H2 phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H một phần giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 597, tờ bản đồ số 23, tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An với số tiền 1.615.320.000 đồng.

Vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị Thu H2 được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 597, tờ bản đồ số 23, tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An và toàn bộ tài sản có trên đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc: yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1845/QSDĐ ngày 21/11/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp cho ông Trần Văn T đứng tên thửa đất số 597, tờ bản đồ số 23, tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An và yêu cầu buộc ông Trần Văn T tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để trả lại đất cho bà Huỳnh Thị H.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, việc thi hành án, về án phí dân sự sơ thẩm, về quyền kháng cáo theo luật định.

- Trong các ngày 13/10/2022, 29/10/2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Trong các ngày 11/10/2022, 17/10/2022, bị đơn ông Trần Văn T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Ngày 12/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có kháng nghị đề nghị sửa án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn, bị đơn là những người kháng cáo, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An theo hướng sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy rằng các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần; Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn thấy rằng:

[2.1]. Về nguồn gốc đất, quá trình quản lý sử dụng:

Phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 536,3m² thuộc thửa 597, tờ bản đồ số 23, tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An phía nguyên đơn bà Huỳnh Thị H khởi kiện cho rằng, trước đây là thửa đất số 600 tách ra và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/10/1991 (mẫu giấy trắng). Sau đó, nguyên đơn có chuyển nhượng cho ông Lê Đình L1, bà Huỳnh Thị T3, ông Huỳnh Văn Đ2, ông Huỳnh Văn T4 một phần thửa đất, còn lại là diện tích đất hoán đổi với ông Trần Văn Đ1 (cha vợ bị đơn), nhưng sau đó ông Đ1 không trả lại cho bà. Hiện nay vợ chồng ông T đang quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Còn phía bị đơn ông Trần Văn T cho rằng phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cha vợ ông là ông Trần Văn Đ1 chuyển nhượng lại cho ông từ năm 1993; Đến năm 1997 thì ông kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hồ sơ thể hiện:

- Giấy xác nhận ngày 22/8/2002; Bản xác minh nguồn gốc đất ngày 22/8/2002 của Ủy ban nhân dân xã T và Văn bản thuyết minh diện tích đất ngày 22/8/2001 do Ủy ban nhân dân xã T xác nhận, thì thửa đất số 600 có nguồn gốc là của bà H do ông bà để lại, diện tích 1.237m²; sau đó được tách ra thành 02 thửa 546, 547 do bà H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại Công văn số 927/CV-CN.VPĐKĐĐ ngày 08/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ xác định không lưu trữ hồ sơ cấp giấy thửa đất số thửa 597, tờ bản đồ số 23, tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Như vậy, việc nguyên đơn cho rằng nguồn gốc của thửa đất 597 đang tranh chấp là một phần của thửa đất số 600 trước đây là không có căn cứ. Bởi lẽ: Không có tài liệu chứng cứ pháp lý nào thể hiện diện tích đất tại thửa 597 được tách ra từ thửa 600 có nguồn gốc là của bà H do ông, bà để lại; Đồng thời cũng không có văn bản nào chứng minh có việc tạm hoán đổi đất giữa các bên. Hơn nữa, khi bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/12/1997 gồm các thửa 546, 547 thì lý do vì sao không kê khai luôn thửa 597 và cũng không khiếu nại về việc cấp thiếu thửa đất 597.

Trong khi đó, phía bị đơn được cấp đất lần đầu vào ngày 21/11/1997, được Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định: việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 597 cho bị đơn ông T là căn cứ vào hồ sơ xét duyệt đối với hộ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã T đề nghị. Phía bị đơn đã quản lý, sử dụng đất, cất nhà kiên cố ở từ năm 1993 nhưng bà H cũng không có ý kiến gì cho đến năm 2019 mới xảy ra tranh chấp.

Tại Biên bản hòa giải ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và nhận định bản án sơ thẩm thể hiện có nội dung: Khi ông T cất nhà ở một thời gian thì bà H có chuyển nhượng cho ông T 01 mét ngang đất dài 23,5m với giá 5.000.000 đồng, vị trí phần đất tiếp giáp thửa đất đang tranh chấp. Điều đó chứng minh thêm việc bà H thừa nhận phần đất tranh chấp là của ông T.

[2.2]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, cho thấy việc Á sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc vợ chồng bị đơn ông T trả lại đất là không phù hợp, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Quan điểm của Viện kiểm sát cấp cao tại phiên tòa hôm nay đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3]. Về chi phí tố tụng và án phí:

Do sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên được tính lại như sau:

[3.1]. Về chi phí tố tụng: bà H phải chịu tổng cộng là 22.600.000 đồng (đã nộp xong). Phía bị đơn không phải chịu.

[3.2]. Về án phí dân sự sơ, phúc thẩm: bà H là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

2. *Tuyên xử:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn T, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1845-QSDĐ ngày 21/11/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp cho ông Trần Văn T đứng tên thửa đất số 597, tờ bản đồ số 23, tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An và yêu cầu buộc ông Trần Văn T tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để trả lại đất cho bà Huỳnh Thị H*”.

3. Về chi phí tố tụng: bà H phải chịu tổng cộng là 22.600.000 đồng (đã nộp xong). Phía bị đơn không phải chịu.

4. Về án phí dân sự sơ, phúc thẩm:

- Bà Huỳnh Thị H được miễn án phí.

- Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ, phúc thẩm. H4 lại cho ông Trần Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001444 ngày 17/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- ND;
- BD;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 16bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết